TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HS-ST
ngày 27 – 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH ĐẮK LẮK

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Đức Hợi.
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Trọng Búp; ông Nguyễn Văn Giang.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Công Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Bùi Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 10 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2024/HSST-QĐ ngày 25/10/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/HSST-QĐ ngày 13/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/HSST-QĐ ngày 18/11/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2024/HSST-QĐ ngày 18/12/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Tuấn V, sinh năm 1994; Nơi sinh: tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn 01, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: không; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Tuấn S và bà Lê Thị Đ; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo hiện đang tại ngoại – được áp dụng biện pháp bảo lĩnh. Có đơn xin xét xử vắng mặt, Vắng mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại: Ông Hoàng Văn Cầu – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Hoàng H, sinh năm 1997. Nơi cư trú: 2/19 Nguyễn Tất Thành, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

+ Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt tại phiên tòa.

** Nguyên đơn dân sự:* Bà Dương Thị N, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn 18, xã E, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2021, bà Phan Thị H nhận chuyển nhượng của ông Phạm Hồng T, bà Trần Thị Lan H một căn nhà trên diện tích đất 115m² tại hẻm 293 đường N, thành phố B với giá 630.000.000 đồng. Căn nhà xây trên đất nông nghiệp, nên đã bị UBND thành phố B cưỡng chế, tháo dỡ. Hai bên xảy ra tranh chấp.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 317/2023/DS-PT ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã có hiệu lực pháp luật, tuyên buộc bà H phải trả cho ông T, bà H diện tích đất 115m²; buộc ông T, bà H phải trả lại cho bà H số tiền 630.000.000 đồng.

Do giữa V và bà H có quen biết với nhau từ trước. Ngày 22/11/2023, bà H gọi điện thoại cho V nói về vụ việc đã được Tòa án xét xử có hiệu lực pháp luật và đang được Chi cục thi hành án dân sự thành phố B thụ lý giải quyết thi hành án. Do cần tiền để chữa bệnh nên V đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của bà H.

Ngày 24/11/2023, V gọi điện thoại nói với bà H là mình có thể liên hệ làm nhanh thủ tục thi hành án dân sự. Do muốn nhanh lấy được số tiền 630.000.000 đồng nên bà H đã nhờ V liên hệ giúp.

Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Thị Thùy T là nhân viên lễ tân của Khách sạn XO Apartments. Do đang ở tại khách sạn, nên V nói với H và T là tài khoản ngân hàng của V bị lỗi nên nhờ H và T nhận tiền chuyển khoản giúp. V sử dụng số điện thoại 0793657661 giả giọng người đàn ông lớn tuổi gọi điện cho bà H giới thiệu tên Nguyễn Hoàng H làm việc tại thanh tra Công an tỉnh Đắk Lắk và sử dụng số điện thoại 0902363215 giả giọng nữ gọi điện cho bà H giới thiệu tên Nguyễn Thị Thùy T làm cán bộ tín dụng của ngân hàng. V dùng 03 vai là Nguyễn Tuấn V, Nguyễn Hoàng H và Nguyễn Thị Thùy T cùng đưa ra các thông tin có thể lo làm nhanh thủ tục thi hành án dân sự cho bà H với chi phí ban đầu đưa ra là 50.000.000 đồng, sau đó V đưa ra các lý do để bà H phải chuyển thêm tiền như: Cần phải nộp tiền để bảo lĩnh xem các thửa đất và số dư tài khoản ngân hàng của ông T, bà H; nộp tiền để H và V đứng ra bảo lãnh để được giải ngân tiền từ tiền trong tài khoản của ông T; nộp tiền hồ sơ, phí giải ngân.v..v..

Từ ngày 24/11/2023 đến ngày 26/01/2024 bà H đã chuyển tiền cho V 14 lần, với tổng số tiền 272.325.000 đồng. Trong đó chuyển vào số tài khoản 19038430621015. Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam (Techcombank) mang tên Nguyễn Hoàng H 03 lần với số tiền 55.225.000 đồng; số tài khoản 0581000746207, Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) mang tên Nguyễn Thị Thùy T 03 lần với số tiền là 59.700.000 đồng; qua tài khoản Viettel Money số thẻ 9704229209136019015 của Nguyễn Tuấn V và số tài khoản 668656789, Ngân hàng thương mại cổ phần Quân đội (MBbank) mang tên Nguyễn Tuấn V 08 lần với số tiền 157.400.000 đồng.

Ngày 04/12/2023, bà H bán cho V 06 con gà với giá 1.000.000 đồng, số tiền này V không phải trả cho bà H mà thỏa thuận là tiền của bà H giao cho V để thực hiện thủ tục thi hành án.

Ngày 26/01/2024, V tiếp tục đề nghị bà H chuyển thêm 60.000.000 đồng. Do không có, nên bà H đã nhờ bà Dương Thị N chuyển 60.000.000 đồng vào số tài khoản 668656789, Ngân hàng MB Bank mang tên Nguyễn Tuấn V. V cam kết trả cho bà N vào 17 giờ cùng ngày, nhưng sau đó V không trả cho bà N.

Số tiền nhận được từ bà H, Nguyễn Tuấn V đã sử dụng để chi tiêu cá nhân, mua thuốc, trả tiền điều trị bệnh cho mình chứ không liên hệ với ai để giải quyết nhanh thủ tục thi hành án dân sự cho bà H. Đến nay V chưa trả cho bà H khoản tiền nào. Ngày 21/03/2024, bà H đã tố cáo về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Nguyễn Tuấn V.

* Vật chứng tạm giữ:

- 01 thẻ sim 4G Mobifone, trên thẻ ghi dãy số seri: 8401230450283099.

- 01 thẻ sim 4G Mobifone, trên thẻ ghi dãy số seri: 8401230233235353.

* Tại Cáo trạng số 17/CT-VKS ngày 03 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn V về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Qúa trình điều tra bị cáo V khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo như cáo trạng đã truy tố. Do cần tiền để chữa bệnh, lợi dụng lòng tin của bà H nên từ ngày 24/11/2023 đến ngày 26/01/2024, bị cáo V đã đưa ra thông tin giả mạo và giả danh người khác để lừa dối chiếm đoạt của bà H số tiền 273.325.000 đồng.

* Bị hại bà Phan Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 273.325.000 đồng và tiền lãi suất 10%/năm kể từ ngày 28/01/2024 đến khi trả hết nợ;

* Nguyên đơn dân sự bà Dương Thị N yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 60.000.000 đồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn V phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ".

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn V từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự. Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn V phải trả cho bà Phan Thị H số tiền 273.325.000 đồng và tiền lãi suất 10%/năm kể từ ngày 28/01/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm;

Đối với bà Dương Thị N: Số tiền mà bà N yêu cầu bị cáo phải trả 60.000.000 đồng có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ khi mà bị cáo V yêu cầu chuyển tiếp số tiền 60.000.000 đồng để lo các thủ tục thi hành án cho H thì bà H không còn tiền nên mới liên hệ với bà N để mượn số tiền này khi đó giữa bà N và bị cáo V nói chuyện trực tiếp với nhau và Na là người trực tiếp chuyển khoản số tiền 60.000.000 đồng từ tài khoản của Na đến tài khoản của bị cáo V.

Đối với bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Hoàng H không bàn bạc hay tham gia cùng với V đưa ra thông tin để lừa bà H và bà N. Bà T và ông H nhận tiền chuyển khoản giúp bị cáo V sau khi nhận tiền đã chuyển ngay cho V. Do đó, ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thùy T không đồng phạm với bị cáo V.

- Vật xử lý vật chứng: 01 thẻ sim 4G Mobifone, trên thẻ ghi dãy số seri: 8401230450283099 và 01 thẻ sim 4G Mobifone, trên thẻ ghi dãy số seri: 8401230233235353 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại tranh luận: Đề nghị HĐXX xem xét buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại số tiền 273.325.000 đồng và tiền lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự kể từ ngày 28/01/2024 đến khi trả hết nợ.

* Bị hại không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, luận tội của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS; Bị cáo và các đương sự trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi nhận tiền để xin việc làm của những bị hại như hồ sơ thể hiện và cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M đã truy tố, nên HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Lợi dụng lòng tin của bà H, do cần lấy nhanh số tiền mà ông T, bà H đang nợ và đang được Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B giải quyết. Bị cáo đã giả danh những người có uy tín và ảnh hưởng đến việc tác động lấy lại số tiền nợ cho bà H. Bằng thủ đoạn gian dối này, từ ngày 24/11/2023 đến ngày 26/01/2024 bị cáo đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của bà H, bà N số tiền 313.325.000 đồng.

Sau khi nhận tiền, bị cáo không có tác động, lấy lại được tiền cho bị hại. Do đó, hành vi nhận tiền để lo thủ tục thi hành án đối với số tiền mà ông Thái, bà Hương đang nợ của bà H đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Do vậy, HĐXX áp dụng tội danh và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự.

Tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật hình sự quy định:

"Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;."

[3] Xét tính chất, mức độ cũng như hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, ảnh hưởng đến uy tín, hoạt động bình thường của các cơ quan nhà nước, gây dư luận xấu trong xã hội, bị cáo phạm tội hai lần trở lên, gây thiệt hại lớn đến tài sản của người khác, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Do đó, cần phải cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian là cần thiết, mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đây tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Vì vậy, HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của pháp luật.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

[4.1] Hành vi nhận tiền để hứa hẹn giúp cho bị hại lấy được tiền thi hành án sớm là trái với quy định của pháp luật. Do vậy, HĐXX cần buộc bị cáo phải

trả cho bà Phan Thị H 273.325.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất phát sinh 10%/năm, kể từ ngày 28/01/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Số tiền lãi suất từ ngày 28/01/2024 đến ngày 27/12/2024 (334 ngày): [273.325.000 đồng x10%] : 365 x 334 ngày = 25.011.000 đồng.

Tổng số tiền mà bị cáo phải trả cho bị hại là 298.336.000 đồng (bao gồm 273.325.000 đồng nợ gốc và 25.011.000 đồng tiền lãi suất).

[4.2] Đối với số tiền 60.000.000 đồng của bà Dương Thị N, mặc dù thông qua bà H bị cáo mới chiếm đoạt được số tiền này, tuy nhiên bà N không yêu cầu bà H phải trả mà đề nghị buộc bị cáo phải trả, bị cáo thừa nhận và đồng ý trả cho bà N, do đó cần buộc bị cáo phải trả cho bà N số tiền 60.000.000 đồng.

[5] Đối với bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Hoàng H không bàn bạc hay tham gia cùng với bị cáo V đưa ra thông tin để lừa bà H và bà N. Bà T và ông H nhận tiền chuyển khoản giúp bị cáo sau khi nhận tiền đã chuyển ngay cho V. Vì vậy, ông Nguyễn Hoàng H và bà Nguyễn Thị Thùy T không đồng phạm với bị cáo V.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 thẻ sim 4G Mobifone, trên thẻ ghi dãy số seri: 8401230450283099 và 01 thẻ sim 4G Mobifone, trên thẻ ghi dãy số seri: 8401230233235353 là công cụ, phương tiện do V sử dụng để phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Do bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn V phạm tội " Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn V 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn V phải trả cho bà Phan Thị H số tiền tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 27/12/2024 là 298.336.000 đồng (bao gồm 273.325.000 đồng nợ gốc và 25.011.000 đồng tiền lãi suất).

Kể từ ngày 28/12/2024 đến khi trả hết nợ, bị cáo V phải tiếp tục chịu lãi suất 10%/năm trên số nợ gốc theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn V phải trả cho bà Dương Thị N số tiền 60.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 thẻ sim 4G Mobifone, trên thẻ ghi dãy số seri: 8401230450283099 và 01 thẻ sim 4G Mobifone, trên thẻ ghi dãy số seri: 8401230233235353 là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 17.916.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị cáo, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Võ Đức Hợi

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra 1-TAND tối cao;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng quản lý lý lịch - Sở Tư pháp ĐắkLắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- Công an huyện M'Đrắk;
- Chi cục THADS huyện M'Đrắk;
- Bị cáo, bị hại, đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại;
- Lưu HS, VP.